

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án tái cấu trúc quy trình thực hiện 3 thủ tục hành chính về “Giao dịch bảo đảm” phục vụ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 107/TTr-STP ngày 20 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi trách nhiệm thực hiện của đơn vị được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 10 “Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh” ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K11, K4, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp										
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011441.000.0 0.00.H08	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 06 (sáu) giờ làm việc.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan đăng ký thực hiện giải quyết trong ngày làm việc nhận được hồ sơ</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai(đối với hộ gia đình, cá nhân)</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai(đối với hộ</p>	Không	Một phần	Phí: 80.000 đồng/hồ sơ (Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm nhận kết quả)	Thẩm quyền giải quyết; địa điểm tiếp nhận hồ sơ; Thời hạn giải quyết, căn cứ pháp lý	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023	-

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận</p>	<p>Trung, TP Quy Nhơn (đối với tổ chức); Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>gia đình, cá nhân)</p>					<p>của CP; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh; - Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019</p>	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới</p>							<p>của UBND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.</p>	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>điện, mạng internet choạc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.</p>								

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011442.000.0 0.00.H08	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 06 (sáu) giờ làm việc.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan đăng ký thực hiện giải quyết hồ sơ trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hộ gia đình, cá nhân)</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn (đối với tổ chức); Bộ phận Một cửa cấp huyện</p>	<p>Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Không	Một phần (Nộp hồ sơ trực tuyến, trả kết quả trực tuyến)	Phí: 50.000 đồng/hồ sơ (Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm nhận kết quả)	Thẩm quyền giải quyết; địa điểm tiếp nhận hồ sơ; Thời hạn giải quyết, căn cứ pháp lý	<p>- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của CP;</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài</p>	-

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn</p>	<p>hoặc cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>						<p>nguyên và Môi trường; - Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh; - Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh; - Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021</p>	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan</p>							<p>của UBND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.</p>	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. + Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.								
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011443.000.0 0.00.H08	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: 06 (sáu) giờ làm việc.	Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn	Không	Một phần	Phí: 20.000 đồng/hồ sơ (Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm nhận kết quả)	Thẩm quyền giải quyết; địa điểm tiếp nhận hồ sơ;	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;	-

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan đăng ký thực hiện giải quyết hồ sơ trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đăng</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn (đối với tổ chức); Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>phòng Đăng ký đất đai(đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>				<p>Thời hạn giải quyết, căn cứ pháp lý</p>	<p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của CP; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh;</p>	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao</p>							<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh; - Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh; - Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. 	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. + Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 								

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.								
4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011444.000.000.H08	Cơ quan đăng ký thực hiện giải quyết hồ sơ trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn (đối với tổ chức); Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Không	Một phần	Phí: 60.000 đồng/hồ sơ (Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm nhận kết quả)	Thẩm quyền giải quyết; địa điểm tiếp nhận hồ sơ; căn cứ pháp lý	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của CP; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày	-

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao</p>							<p>15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh; - Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh; - Quyết định số 18/2021/QĐ- 	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. + Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 							UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh.	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.								
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất 1.011445.000.00.00.H08	Cơ quan đăng ký thực hiện giải quyết hồ sơ trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đăng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn (đối với tổ chức); Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Văn phòng Đăng ký đất đai (Tổ chức); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Không	Một phần (Thanh toán trực tuyến)	Phí: 80.000 đồng/hồ sơ (Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm nhận kết quả)	Thẩm quyền giải quyết; địa điểm tiếp nhận hồ sơ; căn cứ pháp lý	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của CP; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày	-

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p> <p>Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao</p>							<p>15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh; - Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh; - Quyết định số 18/2021/QĐ-</p>	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. + Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 							UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh.	

ST T	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Cơ quan thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.								
Tổng cộng: 05 TTHC										